

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 22/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

2. Bà Hoàng Thị Thanh Tâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện V.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST - HNGĐ, ngày 21/4/2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 85/2023/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Bản L, xã T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Hà Văn V**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Hà Văn V tự nguyện kết hôn ngày 13/8/2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đến năm 2022 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh V nghiện ma túy, đã đi trung tâm cai nghiện về nhưng không thay đổi, lười lao động. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Hà Việt A, sinh ngày 15/7/2019. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Để chứng minh cho yêu cầu của mình Chị H đã cung cấp Giấy xác nhận thu nhập ngày 04/7/2023 của UBND xã T, thị xã N xác nhận chị Trần Thị H có thu nhập bình quân 200.000 đồng/01 ngày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh V không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh với tổ trưởng Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V cho biết: Chị H và anh V kết hôn có đăng ký vào năm 2019 tại UBND xã T, huyện V (nay là thị xã N). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ anh V tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V được một thời gian ngắn thì Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, thị xã N. Trong quá trình chung sống Chị H và anh V có xích mích cãi vã, Chị H nhiều lần bỏ về bố mẹ đẻ, anh V từ năm 2022 thuộc danh sách theo dõi nghi nghiện tại địa phương. Hiện nay Chị H và anh V đã ly thân, anh V đi làm ăn ở đâu không rõ địa chỉ. Chị H và anh V có 01 con chung là Hà Việt A, sinh năm 2019 hiện đang ở với Chị H.

Tại biên bản xác minh với Trưởng Công an thị trấn S cho biết: Năm 2022, Hà Văn V bị Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái xét xử về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương vào 13/01/2023, anh V là đối tượng nghi nghiện ma túy tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H: Xử cho Chị H được ly hôn anh Hà Văn V; về con chung: Giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Việt A, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hà Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa anh Hà Văn V vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần

thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Chị Trần Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị H và anh Hà Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Hà Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 13/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (nay là thị xã N), tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh V được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống Chị H cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh V nghiện ma túy, đã đi trung tâm cai nghiện về nhưng không thay đổi, lười lao động. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương xác định trong quá trình sống chung Chị H và anh V có mâu thuẫn nguyên nhân có xích mích cãi vã, Chị H nhiều lần bỏ về bố mẹ đẻ. Năm 2022, Hà Văn V bị Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Yên Bái xét xử về tội trộm cắp tài sản, anh V là đối tượng nghi nghiện ma túy tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của Chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của Chị H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hà Việt A, sinh ngày 15/7/2019. Sau ly hôn Chị H có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng. Cháu Hà Việt A hiện đang sinh sống cùng Chị H, Chị H có mức thu nhập bình quân 200.000 đồng/ ngày. Anh V hiện không có mặt tại địa phương, thuộc đối tượng nghi nghiện. Do vậy, giao con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; **khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238**; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Hà Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Việt A, sinh ngày 15/7/2019, anh Hà Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2021/0003667 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V tỉnh Yên Bái, Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã T,
- Tx N (số ĐK số16- 13/8/2019)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hoa Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hoa Quỳnh